TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2025.
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Lệ Nga

Bà Hồ Thị Ngân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 272/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc **"**Tranh chấp xin ly hôn**"**. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lâm Kim S,** S1 năm 1966. *(Có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 241 Tà Keo V , xã Phi Th , thành phố Rạch G , tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Danh S1,** S1 năm 1965. *(Có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 12, tổ 6 ấp Sóc C , xã Phi Th , thành phố Rạch G , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lâm Kim S trình bày:** Tôi và ông S1 chung sống với nhau từ năm 1990 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không còn hạnh phúc và không còn hòa hợp như trước đây. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 1991 cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với ông Danh S1.

- Về con chung: Bà S xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Lâm Kim Liền S1 năm 1991 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Danh S1 trình bày:** Về quan hệ hôn nhân, thời điểm ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung ông S1 đều thống nhất theo ý kiến của bà S. Ngoài ra ông S1 không có ý kiến.

- Về hôn nhân: Ông S1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S.

- Về con chung: Ông S1 xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Lâm Kim Liền S1 năm 1991 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông S1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông S1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp xin ly hôn". Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lâm Kim S và ông Danh S1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đời sống chung không phù hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hai người đã sống ly thân từ nằm 1991 cho đến nay. Nay bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông S1. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông S1 hoàn toàn thống nhất theo yêu cầu ly hôn của bà S.

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông S1 đã không tuân thủ các quy định về đăng ký kết hôn theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000 sau nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định không công nhận bà Lâm Kim S và ông Danh S1 là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà S và ông S1 xác nhận có 01 người con chung tên Lâm Kim Liền, S1 ngày 22/11/1991 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà S và ông S1 xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ nợ chung: Bà S và ông S1 xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Kim S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Kim S và ông Danh S1 là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Bà S và ông S1 xác nhận có 01 người con chung tên Lâm Kim Liền, S1 ngày 22/11/1991 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà S và ông S1 xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà S và ông S1 xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Lâm Kim S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà S được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 65 ngày 21/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, bà S không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thanh Loan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG
---ଓ✪ଌ---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---ଓ✪ଌ---

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…….giờ…….phút ngày 23 tháng 6 năm 2025

Tại trụ sở TAND thành phố Rạch Giá

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Bà **Phạm Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Lệ Nga** và bà **Hồ Thị Ngân**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 296/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp "Xin ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lâm Kim S,** S1 năm 1966.

Địa chỉ: Số 241 Tà Keo Vàm, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Danh S1,** S1 năm 1965.

Địa chỉ: Số 12, tổ 6 ấp Sóc Cung, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Kim S và ông Danh S1 là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Bà S và ông S1 xác nhận có 01 người con chung tên Lâm Kim Liền, S1 ngày 22/11/1991 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà S và ông S1 xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà S và ông S1 xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Lâm Kim S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà S được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 65 ngày 21/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, bà S không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi…….giờ….phút ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**